

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HS-ST

Ngày: 25-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Thẩm phán: Ông Trần Bá Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Vân.

+ Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên.

+ Ông Đào Văn Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Thế Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Huỳnh Thị N, sinh ngày: 12/7/1959 tại tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); nơi ĐKKHTT: 95 L, tổ A, khu V, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (Nay là 95 L, tổ A, khu vực B, phường A, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH N2; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Cự H (chết) và bà Trương Thị B (chết); chồng: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1956; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/11/2024 đến ngày 22/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” bằng biện pháp “Bảo lĩnh” và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị N: Ông Lê Văn K - Luật sư Công ty N2 – Chi nhánh A thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (Nay là tỉnh Gia Lai) (Có mặt).

Địa chỉ: A L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (Nay là 17 L, phường B, tỉnh Gia Lai).

- *Bị hại:*

1. Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm: 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Đỗ Quang T, sinh năm: 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đồng trú tại: A D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là A D, phường Q, tỉnh Gia Lai).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1956 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: I L, tổ A, khu V, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (Nay là 95 L, tổ A, khu vực B, phường A, tỉnh Gia Lai).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn L: Ông Lê Văn K - Luật sư Công ty N2 – Chi nhánh A thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (Nay là tỉnh Gia Lai) (Có mặt).

Địa chỉ: A L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (Nay là 17 L, phường B, tỉnh Gia Lai).

2. Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1980 (Có mặt).

Trú tại: 13, 15, A N, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là 13, 15, A N, phường Q, tỉnh Gia Lai).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Vương Khương T1, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Trú tại: Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (Nay là Thôn L, phường A, tỉnh Gia Lai).

2. Ngân hàng N3 – Chi nhánh Q (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Quang K1.

Địa chỉ: G N, Tp ., tỉnh Bình Định (Nay là G N, phường Q, tỉnh Gia Lai).

3. Bà Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm: 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: B N, KV B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (Nay là 232 N, KV B, phường A, tỉnh Gia Lai).

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm: 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: 3 Đ, KV B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (Nay là 3 Đ, KV B, phường A, tỉnh Gia Lai).

5. Ông Phạm D, sinh năm: 1958 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: B N, phường T, Tp ., tỉnh Bình Định (B N, phường Q, tỉnh Gia Lai).

6. Bà Nguyễn Thị Mai T3, sinh năm: 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Tổ B, khu phố E, phường T, Tp ., tỉnh Bình Định (Nay là Tổ B, khu phố E, phường Q, tỉnh Gia Lai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Công ty trách nhiệm hữu hạn N2 (Địa chỉ: khu V, phường Đ, thị xã A, Bình Định, chuyên kinh doanh sản xuất bột nhang) do bà Huỳnh Thị N làm Giám đốc. Quá trình hoạt động và mở rộng sản xuất kinh doanh, Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyễn Nga L1 nhiều lần vay vốn tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh Q. Tính đến tháng 05/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn N2 Nguyễn Nga L1 kí 28 hợp đồng tín dụng với tổng dư nợ gốc 139.907.000.000 đồng, khoản vay này được Công ty Cổ phần K2 bảo đảm bằng tài sản là: khối nhà 10 tầng + hầm; nhà cấp 4 – Khách sạn K2 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00537 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 03/05/2006. Ngoài ra, Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyễn Nga L1 còn vay tiền tại Ngân hàng AgriBank - thị xã A (tính đến ngày 11/7/2024, nợ gốc: 28.250.000.000 đồng, nợ lãi 429.242.443 đồng). Do các hợp đồng tín dụng hạn mức mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyễn Nga L1 ký kết với các ngân hàng là hợp đồng vay ngắn hạn nên cần phải đáo hạn thường xuyên, đồng thời nợ gốc lớn nên tiền lãi phát sinh cũng lớn. Hàng tháng, Công ty phải thanh toán tiền lãi khoảng 1,1 tỷ đồng cho Ngân hàng N3, tiền lãi khoảng 150 triệu đồng cho Ngân hàng A. Từ năm 2020, Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất trong thời gian dài không có doanh thu, nên Huỳnh Thị N phải vay tiền của cá nhân bên ngoài để thực hiện đáo hạn và trả tiền lãi ngân hàng, trong đó có vay của vợ chồng bà Trần Thị Thu H1 (sinh năm 1975), ông Đỗ Quang T (sinh năm 1975) cùng trú: 164 D, phường N, TP ., Bình Định, do cả hai bên đều cùng là khách hàng vay vốn tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh Q, Bình Định nên có biết nhau. Vào khoảng tháng 04/2023, Huỳnh Thị N có liên hệ vay của H1 số tiền khoảng 04 – 05 tỷ đồng để đáo hạn tại Ngân hàng N3 và đều đã trả nợ xong nên từ đó cả hai bắt đầu quen nhau. Trong tháng 06 – 07/2023, Huỳnh Thị N 02 lần đưa ra thông tin, thủ đoạn gian dối vay của vợ chồng H1 – T tổng số tiền 5.860.000.000 đồng, với mục đích đáo hạn ngân hàng nhưng Huỳnh Thị N không đáo hạn ngân hàng mà sử dụng trả lãi, trả nợ cũ. Cụ thể như sau:

- Ngày 28/06/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyễn Nga L1 bị nợ tiền lãi quá hạn tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh Q, Ngân hàng có các Thông báo V/v nhắc nợ đến hạn: Lần 01 ngày 29/05/2023, lần 02 ngày 03/06/2023, lần 03 ngày 09/06/2023; nếu không thực hiện trả lãi thì công ty sẽ bị ngân hàng đưa vào diện “nợ xấu”. Để có tiền trả lãi cho công ty, Huỳnh Thị N đã nảy sinh ý định và chủ động gọi điện thoại liên lạc với Trần Thị Thu H1 để vay tiền. N đưa ra thông tin sai sự thật cần tiền để đáo hạn tại Ngân hàng N3 - Chi nhánh Q, hỏi

vay số tiền 1.860.000.000 đồng, hạn trả nợ 06 ngày (tức đến ngày 03/07/2023), thỏa thuận lãi suất 1.300đ/1.000.000đ/ngày. Do tin tưởng nên bà H1 đồng ý và hẹn N đến tại ngân hàng gặp nhau để cho vay. Sau khi trao đổi với N về việc vay tiền, H1 nói lại cho ông Đỗ Quang T biết và được ông T đồng ý. Trong ngày, vợ chồng bà H1, ông T đem tiền mặt 1.860.000.000 đồng đến Ngân hàng N3 – chi nhánh Q gặp vợ chồng Huỳnh Thị N – Nguyễn Văn L. Tại đây, N viết giấy mượn tiền nội dung: Vợ chồng Nguyễn Văn L và Huỳnh Thị N mượn của vợ chồng Đỗ Quang T - Trần Thị Thu H1 số tiền 1.860.000.000 đồng, để đáo hạn Ngân hàng N3, thời hạn trả nợ 03/07/2023. N kí tên xác nhận rồi đưa giấy cho L kí. N ghi thêm vào giấy mượn tiền nội dung chỉ định nộp tiền vay vào tài khoản số 402003739500001 - N4 của Công ty trách nhiệm hữu hạn N2. Sau đó, ông T đến quầy giao dịch nộp số tiền 1.860.000.000 đồng vào tài khoản số 402003739500001 - N4 của Công ty TNHH N2, theo yêu cầu của N. Sau khi tài khoản Công ty trách nhiệm hữu hạn N2 nhận được số tiền 1.860.000.000 đồng, Ngân hàng N3 – Chi nhánh Q đã thực hiện thu lãi tổng cộng: 1.858.016.612 đồng, đối với nhiều khế ước nhận nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyễn Nga L1.

Đến hạn trả nợ, bà H1 đòi nợ thì Huỳnh Thị N nói lý do thiếu chứng từ nên Ngân hàng N3 chưa cho vay lại, hẹn thêm 10 ngày nữa sẽ trả. Sau đó, N liên tục hứa hẹn và lấy lý do như: chưa bổ sung đủ chứng từ, Ngân hàng N3 chưa cho vay lại... nên chưa trả nợ được.

- Đến ngày 30/07/2023, do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân khác, Huỳnh Thị N tiếp tục liên hệ với bà Trần Thị Thu H1, đưa ra thông tin gian dối, sai sự thật về việc hiện tại Huỳnh Thị N chưa vay lại được bên Ngân hàng N3 – Chi nhánh Q nhưng N có khoản vay khác cần đáo hạn tại Ngân hàng B2. Huỳnh Thị N đề nghị bà H1 cho vay thêm 04 tỷ đồng để đáo hạn tại B2, rồi N sẽ vay lại tại Ngân hàng B2 với hạn mức cao hơn hoặc vay bên Ngân hàng N3, ngân hàng nào cho vay trước thì sẽ vay tại ngân hàng đó, rồi trả đủ luôn cả 02 khoản nợ cho bà H1. Do tin tưởng và bà H1 cũng mong muốn thu hồi khoản nợ cũ nên đồng ý cho Huỳnh Thị N vay thêm 04 tỷ đồng. Bà H1 nói lại và được ông T đồng ý. Chiều cùng ngày, vợ chồng bà H1, ông T đem tiền mặt 04 tỷ đồng đến trước Ngân hàng B2 – Chi nhánh B3 trên đường L, TP . gặp vợ chồng N - Lâu trên xe ô tô của bà H1. N viết giấy mượn tiền theo mẫu in sẵn nội dung: Vợ chồng Nguyễn Văn L và Huỳnh Thị N mượn của vợ chồng Đỗ Quang T - Trần Thị Thu H1 số tiền 04 tỷ đồng, mục đích đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả nợ 30/08/2023. Vợ chồng N - L cùng kí tên xác nhận vào giấy mượn tiền, thỏa thuận lãi suất 1.300đ/1.000.000đ/ngày. N nhận đủ tiền mặt 04 tỷ đồng và viết thêm vào giấy mượn tiền dòng chữ “Vợ chồng tôi đã nhận đủ Bốn tỷ chẵn 4.000.000.000đ”. Sau khi vay được tiền, Huỳnh Thị N không đáo hạn như thỏa thuận mà dùng số tiền 3.5 tỷ đồng trả nợ cho bà Vương Khương T1 (sinh năm 1967, trú: thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định), còn số tiền 500.000.000 đồng thì Huỳnh Thị N dùng trả lãi dân cho vợ chồng bà H1, ông T.

Khi đến hạn trả nợ, Huỳnh Thị N đưa ra nhiều lý do như thiếu chứng từ, Ngân hàng B2 chưa cho vay... nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả nợ cho vợ chồng bà H1, ông T nên ngày 26/02/2024, bà Trần Thị Thu H1 đã gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tố giác vợ chồng Huỳnh Thị N – Nguyễn Văn L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 5.860.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ tháng 08/2023 đến tháng 12/2023, Huỳnh Thị N nhiều lần chuyển khoản và giao tiền mặt để trả lãi, nhưng không đúng với mức lãi suất thỏa thuận, tổng cộng số tiền 515.700.000 đồng cho vợ chồng bà H1, ông T. Và vào các ngày 03/5/2024, ngày 10/7/2024, vợ chồng Huỳnh Thị N, Nguyễn Văn L tiếp tục trả nợ gốc số tiền 300 triệu đồng cho vợ chồng bà H1, ông T nên Huỳnh Thị N còn chiếm đoạt số tiền 5.044.300.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Huỳnh Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Về vật chứng vụ án: Không.

Về dân sự:

- Gia đình bị cáo Huỳnh Thị N đã bồi thường số tiền 5.560.000.000 đồng cho bị hại là vợ chồng bà Trần Thị Thu H1, ông Đỗ Quang T. Bị hại bà H1, ông T không yêu cầu bồi thường gì thêm, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can Huỳnh Thị N.

Tại bản cáo trạng số 81/CT-VKSBD-P2 ngày 25/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định (Nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai) đã truy tố bị cáo Huỳnh Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N từ 05 đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Huỳnh Thị N đã bồi thường hết toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại Trần Thị Thu H1, ông Đỗ Quang T nên miễn xét.

Luật sư Lê Văn K bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị N: Bị cáo Huỳnh Thị N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, nên được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong thời gian bị cáo làm giám đốc Công ty TNHH N2, bị cáo có thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho Doanh nghiệp tư nhân S, ngoài ra bị cáo đã tích cực đóng góp cho các hoạt động từ thiện cho địa phương nên được nhận

được rất nhiều thư cảm ơn. Hoàn cảnh bị cáo hiện nay tuổi cao, sức khoẻ kém, bị bệnh thoái hoá đốt sống cổ, chồng bị cáo ông Nguyễn Văn L hiện đang điều trị thoát vị đĩa đệm. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử xem xét quyết định cho bị cáo một mức án nhẹ nhất, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo sớm tái hoà nhập cộng đồng.

Luật sư Lê Văn K bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông Nguyễn Văn L có kí tên trong giấy mượn tiền của vợ chồng bà Trần Thị Thu H1, ông Đỗ Quang T, là do bà H1, ông T yêu cầu, còn lại việc vay mượn cụ thể như thế nào ông L không tham gia. Bà N có nhiều lần vay tiền của các bị hại để đáo hạn ngân hàng, đề cần vốn kinh doanh, lần này vay tiền của bà H1, ông T ông L nghĩ rằng bà N nói vay tiền của vợ chồng bà H1 để đáo hạn ngân hàng là thật và không biết ý định của bà N đưa ra thông tin gian dối để vay tiền của bị hại rồi chiếm đoạt dùng trả lãi cho ngân hàng và dùng vào mục đích cá nhân khác. Do đó, cơ quan điều tra không khởi tố ông L trong cùng vụ án là có căn cứ. Hiện nay, ông L đang điều trị bệnh thoát vị đĩa đệm, sức khoẻ rất yếu nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét chiếu cố đến mức án đối với vợ ông L là bị cáo Huỳnh Thị N.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị Thu H1, ông Đỗ Quang T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và người làm chứng vắng mặt, nhưng họ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại đến quá trình xét xử. Do đó, căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Do kinh doanh thua lỗ, không có khả năng trả tiền lãi vay tại Ngân hàng N3 – chi nhánh Q và các

các khoản nợ khác nên Huỳnh Thị N nói dối với vợ chồng bà Trần Thị Thu H1 và ông Đỗ Quang T là đang cần tiền để đáo hạn ngân hàng, ngày 28/6/2023 Trần Thị Thu H1 cho Huỳnh Thị N vay số tiền 1.860.000.000 đồng. Đến ngày 30/7/2023, Huỳnh Thị N tiếp tục đưa ra thông tin gian dối cần vay số tiền 4.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, rồi sẽ vay lại và trả đủ 02 khoản vay cho bà Trần Thị Thu H1. Tuy nhiên sau khi có tiền, Huỳnh Thị N không dùng 02 khoản tiền vay đáo hạn trên theo mục đích ban đầu đưa ra khi vay tiền, mà đã dùng trả tiền lãi cho ngân hàng và sử dụng vào mục đích cá nhân khác, dẫn đến mất khả năng trả nợ cho vợ chồng bà Trần Thị Thu H1, ông Đỗ Quang T. Quá trình vay tiền, Huỳnh Thị N đã trả nợ gốc và tiền lãi với tổng số tiền 815.700.000 đồng nên còn chiếm đoạt của vợ chồng bà Trần Thị Thu H1, ông Đỗ Quang T tổng số tiền là 5.044.300.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Huỳnh Thị N đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như Bản cáo trạng số 81/CT-VKSBD-P2 ngày 25/6/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định (Nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai) đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi nêu trên của bị cáo Huỳnh Thị N là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Huỳnh Thị N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường hết số tiền chiếm đoạt cho vợ chồng bà Trần Thị Thu H1, ông Đỗ Quang T là 5.044.300.000 đồng nên được vợ chồng bà H1, ông T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho Doanh nghiệp tư nhân S Lâu ngày 29/10/2008. Ngoài ra, bị cáo còn tích cực tham gia đóng góp các hoạt động từ thiện tại địa phương. Hiện nay, sức khỏe bị cáo giảm sút do bị nhiều bệnh như thoái hoá đốt sống cổ, dương tính với virus HPV, chồng bị cáo ông Nguyễn Văn L bị bệnh thoát vị đĩa đệm nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo “Phạm tội 02 lần trở lên” nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy, bị cáo Huỳnh Thị N có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và đã tự nguyện bồi thường khắc phục hết toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, vừa mang tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Huỳnh Thị N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai luận tội và đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N từ 05 đến 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quy định “Toà án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này”. Như vậy, trong vụ án này bị cáo bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 12 đến 20 năm hoặc tù chung thân. Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N hình phạt dưới mức thấp nhất dưới khung hình phạt nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật quy định tại khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 7 đến 15 năm tù. Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 đến 06 năm tù, mức án này nằm trong khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

[9] Luật sư Lê Văn K đưa ra luận cứ bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N mức án nhẹ nhất là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần. Về phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn L là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Các vấn đề khác: Ông Nguyễn Văn L có kí tên trong giấy mượn tiền của vợ chồng bà Trần Thị Thu H1, ông Đỗ Quang T. Nhưng việc chủ động liên hệ, trao đổi, thỏa thuận vay tiền và nhận tiền vay từ vợ chồng H1, T là do Huỳnh Thị N chủ động thực hiện chứ ông L không tham gia. Đồng thời, ông L nghĩ rằng bà N nói vay tiền của vợ chồng bà H1, ông T để đáo hạn ngân hàng là thật vì bà N thường xuyên phải đáo hạn các khoản vay của Công ty TNHH N2. Cho nên, ông L tin tưởng là thật và không biết ý định của bà N đưa ra thông tin gian dối để vay tiền của bị hại rồi chiếm đoạt dùng trả lãi cho ngân hàng và dùng vào mục đích cá nhân khác. Do đó, không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Văn L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị N 07 (Bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 02/11/2024 đến ngày 22/01/2025.

3. Về án phí HSST: Bị cáo Huỳnh Thị N không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- Viện Phúc thẩm 2 tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS&HTTP CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng TTKT&THA tỉnh Gia Lai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Xuân

